

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HS-PT

Ngày: 12-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2021/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo N.A.T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2021/HSST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **N.A.T**, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xxx/l ấp PH, xã TP, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề ngL.V.H: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.T và bà H.T.B.T; sống chung như vợ chồng với chị N.T.C.T; có một người con sinh năm 2014; tiền án: Tại Bản án hình sự số 76/2013/HSST ngày 24/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên phạt bị cáo 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Tại Bản án hình sự số 116/2015/HSPT ngày 12/8/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 05 năm 06 tháng tù; Tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/01/2021 đến nay; có mặt;

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo L.V.H nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo N.A.T là đối tượng đã bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nhưng lại tiếp tục có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và cùng bị cáo L.V.H “Trộm cắp tài sản” của người khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 27/10/2020, bị cáo L.V.H rủ bị cáo N.A.T đi tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì bị cáo N.A.T đồng ý. Để thực hiện ý định, bị cáo N.A.T điều khiển xe mô tô loại Wave, màu xanh, không biển số chở bị cáo L.V.H đi từ huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đến khu vực xã BP, thành phố Bến Tre. Khi cả hai đi ngang căn chòi trong khu đất vườn của bà N.T.T ở ấp PL, xã BP, thành phố Bến Tre, thấy căn chòi khóa cửa nên bị cáo L.V.H kêu bị cáo N.A.T đứng ngoài đợi và canh đường để bị cáo L.V.H tháo dây kẽm lưới rào B40 vào căn chòi lấy: 01 động cơ xăng màu đỏ-trắng-đen; 02 mô tơ điện và lấy giỏ xách nhựa bỏ tài sản trộm được rồi đem ra chỗ bị cáo N.A.T đứng đợi, cả hai cùng kéo lưới rào mang tài sản lấy được đem ra ngoài. Bị cáo L.V.H lấy động cơ xăng giấu dưới bụi cây gần đó rồi cùng bị cáo N.A.T chở 02 cái mô tơ điện đem đến phường x, thành phố Bến Tre bán cho ông T.T.L được 600.000 đồng cả hai mua ma túy sử dụng và chia nhau tiêu xài. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, các bị cáo tiếp tục trở lại nơi giấu động cơ xăng lấy chở đến xã SĐ, thành phố Bến Tre bán cho ông N.T.H được 1.000.000 đồng chia đều nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

* Vật chứng thu giữ: 01 động cơ xăng nhãn hiệu Vikyno, loại máy 168F, 5,5HP (mã lực), màu đỏ-trắng-đen (Do N.T.H giao nộp); 01 mô tơ điện màu đỏ; 01 mô tơ điện nhãn hiệu cá sấu xám, loại máy 1DK-15, 0,5 HP (mã lực), màu xanh dương và 01 giỏ xách nhựa, màu trắng-xanh (Do T.T.L giao nộp);

Theo các Bảng kết luận định giá trị tài sản số 1004/KL-HĐĐG ngày 19/11/2020 và số 113/KL-HĐĐG ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 động cơ xăng nhãn hiệu Vikyno, loại máy 168F, 5,5HP (mã lực), màu đỏ-trắng-đen. trị giá ngày 27/10/2020 là 2.080.000 đồng; 01 mô tơ điện nhãn hiệu cá sấu xám, loại máy 1DK-15, 0,5 HP (mã lực), màu xanh

dương, trị giá ngày 27/10/2020 là 450.000 đồng; 01 mô tơ điện màu đỏ, không nhãn hiệu, trị giá ngày 27/10/2020 là 835.000 đồng; 01 giỏ xách nhựa, màu trắng-xanh trị giá ngày 27/10/2020 là 18.000 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại Thu là 3.383.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ ngày 29/10/2020, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre kết hợp với Công an xã BP và Công an Phường x, thành phố Bến Tre tuần tra trên đường V.V.K, đến đoạn thuộc khu phố MT, Phường x, thành phố Bến Tre thì phát hiện L.V.T đang điều khiển xe mô tô loại Wave, màu xanh, không biển số chở sau bị cáo N.A.T có biển hiện nghi vấn nên yêu cầu L.V.T dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng tuần tra phát hiện L.V.T và N.A.T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ:

- Thu trong túi áo phía trước bên trái L.V.T đang mặc: 01 đoạn ống nhựa hàn kín 02 đầu, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu 1).

- Thu trong túi áo khoát bên phải của bị cáo N.A.T đang mặc: 01 bao thuốc lá hiệu SAIGON, bên trong có 01 đoạn ống nhựa màu trắng hàn kín hai đầu, bên trong chứa chất màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu 2). Cả 02 phong bì ký hiệu 1 và 2 có các chữ ký và ghi tên của N.A.T, L.V.T, P.T.X.H, T.D.C, V.K.A và dấu tròn màu đỏ của Công an phường x, thành phố Bến Tre.

- 01 xe mô tô màu xanh, đen không có biển số.

Qua làm việc L.V.T và N.A.T khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 29/10/2020, L.V.T và N.A.T gặp nhau tại quán cà phê Bích Lam thuộc ấp x, xã SĐ, thành phố Bến Tre, N.A.T rủ L.V.T mua ma túy về sử dụng thì L.V.T đồng ý, N.A.T đưa cho L.V.T 100.000 đồng để L.V.T mua ma túy dùm N.A.T. Sau đó, L.V.T điều khiển xe mô tô loại Wave, màu xanh, không biển số chở N.A.T đến khu vực cầu MH, thuộc xã MTA, thành phố Bến Tre mua của đối tượng tên Út (không rõ họ tên, địa chỉ) 02 tép ma túy (01 tép ma túy đá và 01 tép ma túy Heroin) với giá 200.000 đồng, L.V.T cất tép ma túy đá và đưa cho N.A.T tép ma túy loại Heroin rồi chở N.A.T đến Công viên tượng đài Hoàng Lam, thuộc phường 5, thành phố Bến Tre. Tại đây, N.A.T lấy tép ma túy vừa mua ra sử dụng một ít, số còn lại N.A.T hàn kín, gói lại bằng tờ vé số để trong gói thuốc lá nhãn hiệu SAI GON cất vào túi áo

khoát bên phải của N.A.T đang mặc, L.V.T điều khiển xe chở N.A.T định chạy về xã BP, thành phố Bến Tre, nhưng khi cả hai đến đường V.V.K đoạn thuộc khu phố MT, Phường 7, thành phố Bến Tre thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện thu giữ tang vật như trên.

Theo kết luận giám định số 125/2020/GĐMT ngày 11/11/2020 và số 126/2020/GĐMT ngày 13/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu 1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0790 gam.

- Chất màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì ký hiệu 2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,0117 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo N.A.T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.A.T 02 (hai) năm tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.A.T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo N.A.T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/01/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L.V.H, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/4/2021, bị cáo N.A.T kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.A.T 02 (hai) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.A.T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo N.A.T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để bị cáo sớm về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: xuất phát từ mục đích bất chính, vào khoảng 11 giờ ngày 27/10/2020, tại ấp PL, xã BP, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, các bị cáo L.V.H và N.A.T đã có hành vi câu kết với nhau chiếm đoạt của bị hại N.T.T 01 động cơ xăng, 02 mô tơ điện và 01 giỏ xách với tổng trị giá là 3.383.000 đồng; bị cáo N.A.T có 02 tiền án về “Tội trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Ngoài ra, vào lúc 15 giờ ngày 29/10/2020, trên đường V.V.K, đoạn thuộc khu phố MT, Phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo N.A.T còn có hành vi tàng trữ trái phép 0,0117 gam ma túy, loại Heroine để sử dụng; bị cáo N.A.T có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi

phạm tội, nhân thân và các tình tiết tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với “Tội trộm cắp tài sản” và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” để xử phạt bị cáo N.A.T 03 năm 03 tháng tù cho cả hai tội là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án về “Tội trộm cắp tài sản” và 01 tiền án về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích, nhưng không chịu cải sửa bản thân mà tiếp tục phạm “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Điều đó cho thấy bản tính xem thường pháp luật nên cần phải xử lý thật nghiêm để cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trước thực trạng các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu và các tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị xử phạt bị cáo N.A.T 03 năm 03 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.A.T 02 (hai) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.A.T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo N.A.T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2021.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo N.A.T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L.V.H, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã TP, h. Châu Thành (1b);
- Nhà tạm giữ CA Tp. Bến Tre + bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn